

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 252/2023/HS-ST
Ngày: 25-10-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Định

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Quang Bảo

- Bà Vương Thị Minh Tân

- **Thư ký phiên toà:** Bà Đinh Thị Thanh Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên toà:** Ông Hoàng Tiến Nam - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 234/2023/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 234/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1978 tại Hà Nội; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Số x đường y, phường z, thành phố y; số căn cước công dân: 001078xxx; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: Đại học; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân D (đã chết) và bà Trần Thị H; vợ: Hồ Thu P; có ba con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19-5-2023, chuyển tạm giam ngày 28-5-2023 đến ngày 10-6-2023 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh; bị cáo có mặt.

- Bị hại: Công ty TNHH C; địa chỉ: Số x đường y, phường z, thành phố y, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Anh Cao Đình C, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số x đường y, phường z, thành phố y, tỉnh Nam Định; (vắng mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc D là giám đốc công ty TNHH Thiết bị CNC Việt Nam (gọi tắt là Công ty) có ngành nghề kinh doanh là cung cấp, lắp đặt các thiết bị, máy móc gia công cơ khí. Trụ sở Công ty tại địa chỉ: Số x đường y, phường z, thành phố y, D thuê chị Hoàng Thị Hồng N, sinh năm 1999; trú tại: Số x đường y, phường z, thành phố y i làm các báo cáo về thuế, ngoài ra Công ty không có nhân viên nào khác. Ngày 05-11-2022, anh Cao Đình C, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số x đường y, phường z, thành phố y, tỉnh Nam Định là giám đốc công ty TNHH C Đạt (do anh C làm giám đốc, trụ sở được đặt tại nhà anh C) nhờ D tư vấn mua máy cắt laser. Ngày 20-12-2022, D về Nam Định gặp anh C để thỏa thuận mua bán máy cắt laser Fiber + cắt Plasma, công suất 3KW, nhập khẩu từ Trung Quốc với giá là 772.200.000 đồng. Sau 30 ngày kể từ ngày nhận tiền đặt cọc, D phải bàn giao máy cắt cho anh C. Về cách thức thanh toán, anh C đặt cọc trước 30% giá trị máy, tương ứng với số tiền là 231.660.000 đồng; sau khi nhận máy cắt, anh C phải thanh toán hết trong thời hạn từ 10-12 tháng tiếp theo. Ngày 05-01-2023, D và anh C đã ký kết hợp đồng mua bán máy móc như nội dung thỏa thuận nêu trên.

Ngày 06-01-2023, tại Ngân hàng Đầu tư phát triển BIDV, địa chỉ: Số x đường y, phường z, thành phố y, tỉnh Nam Định; anh C chuyển 231.660.000 đồng tiền đặt cọc mua máy cắt laser cho D. Sau khi nhận được tiền đặt cọc của anh C, do thời gian này Công ty làm ăn thua lỗ, phải vay nợ nhiều nơi, bản thân D không còn khả năng để trả nợ nên D không đặt mua máy cắt cho anh C mà nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền đặt cọc để trả nợ.

Ngày 07-01-2023, D sử dụng 162.500.000 đồng trong số tiền đặt cọc của anh C để trả nợ cho anh Trần Văn H, sinh năm 1988, trú tại: Số x đường y, phường z, thành phố y.

Ngày 09-01-2023, D chuyển 75.000.000 đồng (bao gồm 69.160.000 đồng tiền đặt cọc còn lại của anh C và 5.840.000đ tiền cá nhân của D còn trong tài khoản) sang tài khoản tại ngân hàng Vietcombank của D sau đó rút toàn bộ số tiền 75.000.000 đồng để trả nợ cho ông Bùi Anh Tuấn, sinh năm 1961, trú tại: Số x đường y, phường z, thành phố y.

Ngày 11-01-2023, khi anh C hỏi về tình hình nhập khẩu máy cắt thì D nói dối máy cắt laser mà anh C đặt đã được lắp ráp xong và đang chờ thuê tàu để chở từ Trung Quốc về cảng Việt Nam.

Ngày 15-01-2023, để tránh bị phát hiện, D chủ động nhắn tin với anh C nói máy cắt đã về đến cảng Hải Phòng nhưng do Hải quan đông, chứng từ chậm nên D chưa lấy máy về được và hứa sẽ lấy máy về cho anh C trong thời gian sớm nhất.

Từ ngày 16-01-2023 đến ngày 06-02-2023 (hết thời hạn 30 ngày bàn giao máy cắt như nêu trong hợp đồng), anh C liên tục liên lạc với D để hỏi về tiến trình bàn giao máy cắt laser thì D lấy lý do có vướng mắc về mặt giấy tờ bên phía Hải quan và bên phía thuế nhập khẩu nên chưa lấy máy về bàn giao được, mục đích để kéo dài thời gian, tránh bị phát hiện và không phải trả lại tiền cho anh C.

Ngày 15-3-2023, để anh C tin tưởng và không thúc giục nữa, D nhắn tin nói dối anh C là các vướng mắc đã được giải quyết xong. D cam kết sẽ bàn giao và lắp đặt máy cắt cho anh C vào ngày 17-3-2023 nếu không sẽ trả lại toàn bộ tiền đặt cọc cho anh C.

Ngày 17-3-2023, anh C không nhận được máy cắt như đã hứa hẹn nên đã đòi D trả lại tiền đặt cọc, D xin khất nợ đến ngày 18-3-2023. Thời gian sau đó, D nhiều lần hứa hẹn trả tiền cho anh C nhưng không thực hiện. Từ ngày 20-3-2023 đến ngày 05-4-2023, anh C liên tục liên hệ để hẹn gặp D nhưng D trốn tránh không gặp anh C. Ngày 06-4-2023, D nói dối sẽ bàn giao máy cho anh C vào ngày 15-4-2023. Anh C yêu cầu D gửi các hóa đơn, chứng từ liên quan đến việc nhập khẩu máy cắt laser cho anh C nhưng D không thực hiện được và cũng không trả lại tiền cọc.

Ngày 18-5-2023, anh Cao Đình C đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định trình báo toàn bộ nội dung sự việc. Ngày 19-5-2023, Nguyễn Ngọc D có đơn xin đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình. D tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại cùng sim số dùng để liên lạc với anh C cùng con dấu Công ty và dấu chức danh Giám đốc Công ty của mình.

Ngày 19-5-2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an thành phố Nam Định đã lấy lời khai của anh Trần Văn Hón, anh Hón trình bày: Anh Hón và D quen biết nhau từ trước do đã nhiều lần đặt mua các thiết bị tại Công ty của D. Ngày 03-11-2022, anh Hón đặt cọc cho D 162.500.000 đồng để mua 01 máy cắt Laser, công suất 1,5KW, máy nhập khẩu từ Trung Quốc. Đến ngày 07-01-2023, do D không mua được máy nên đã trả cho anh Hón số tiền 162.500.000 đồng. Anh Hón không biết số tiền mà D trả cho mình là do D phạm tội mà có. Tại cơ quan điều tra, anh Hón có quan điểm, đây là vấn đề dân sự giữa anh và bị cáo D nên không có yêu cầu gì.

Ngày 04-7-2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an thành phố Nam Định đã lấy lời khai của anh Bùi Anh Tuấn, anh Tuấn trình bày: Khoảng năm 2019, anh Tuấn cho D vay 1.600.000.000 đồng để kinh doanh, anh Tuấn không tính lãi suất với khoản vay nhưng nếu D kinh doanh có lãi thì sẽ phải chia phần trăm cho anh Tuấn.

Tuy nhiên, từ khi cho vâynh Tuấn không nhận được tiền lãi kinh doanh nào từ D. Tháng 01-2023, D thông báo đã làm ăn thua lỗ hết số tiền anh Tuấn cho vay, D cm kết sẽ trả nợ cho anh Tuấn, anh Tuấn đồng ý. Ngày 09-01-2023, D gặp anh Tuấn để trả trước số tiền 75.000.000 đồng. Anh Tuấn không biết số tiền mà D trả cho mình là do D phạm tội mà có.

Ngày 19-5-2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an thành phố Nam Định đã lấy lời khai của chị Hoàng Thị Hồng Nhung, chị Nhung trình bày: Khoảng năm 2020, chị Nhung được D thuê để làm các báo cáo về thuế cho Công ty do D làm giám đốc. Toàn bộ các thông tin, số liệu trong báo cáo được tổng hợp từ các hoá đơn, chứng từ do D cung cấp. Từ tháng 01-2023 đến nay, chị Nhung không nhận được từ D bất kỳ hoá đơn, chứng từ nào liên quan đến việc nhập khẩu máy cắt Laser + máy cắt Plasma nhập khẩu từ Trung Quốc mà người mua là anh Cao Đình C. Chị Nhung không tham gia vào hoạt động của Công ty và cũng không biết gì về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của D.

Mở rộng điều tra, Nguyễn Ngọc D đã cung cấp thông tin về đối tượng Vũ Ngọc Đ, sinh năm 1990; trú tại: Số x đường y, phường z, thành phố y, tỉnh Nam Định có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Từ thông tin mà D cung cấp ngày 28-6-2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Nam Định đã điều tra khám phá vụ án “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Ngày 08-7-2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Nam Định đã ra quyết định khởi tố vụ án và khởi tố bị can đối Vũ Ngọc Đ và 02 đối tượng khác có liên quan.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Nguyễn Ngọc D đã tác động gia đình để bồi thường cho anh Cao Đình C số tiền 231.660.000 đồng, chị Nguyễn Thị Kim Thoa (chị gái của D) đã trả cho anh C số tiền 231.660.000 đồng, anh C đã nhận đủ số tiền trên, không có đề nghị gì khác và có quan điểm xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D.

Ngày 10-10-2023 chị Nguyễn Thị Kim Thoa có đơn đề nghị không yêu cầu bị cáo D phải trả số tiền 231.660.000 đồng mà chị đã thanh toán cho anh Cao Đình C.

Đối với anh Trần Văn Hón và ông Bùi Anh Tuấn khi nhận tiền của Nguyễn Ngọc D trả, anh Hón và anh Tuấn không biết đó là số tiền do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập vấn đề xử lý.

Bản cáo trạng số 253/CT-VKS-TPND ngày 02-10-2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định truy tố Nguyễn Ngọc D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Nguyễn Ngọc D tại phiên tòa thể hiện hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc D theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc D phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D 03 năm tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho C quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Black Bery màu đỏ đen. Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại đã thu giữ.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc D: 01 dấu tròn đỏ của Công ty TNHH thiết bị CNC Việt Nam; 01 dấu chức danh Giám đốc Công ty mang tên Nguyễn Ngọc D.

- Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc D phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Ngọc D nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục

quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc D và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Ngọc D trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác như: Đơn trình báo và lời khai của anh Cao Đình C; hợp đồng kinh tế; giấy ủy nhiệm chi; biên bản kiểm tra điện thoại; bản in giao dịch chuyển khoản, bản in nội dung tin nhắn Zalo; bản in sao kê tài khoản ngân hàng; lời khai của những người liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở khẳng định: Trong khoảng thời gian từ tháng 01-2023 đến tháng 03-2023, tại thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; Nguyễn Ngọc D đã lợi dụng sự tin nhiệm của anh Cao Đình C để chiếm đoạt số tiền 231.660.000 đồng khi anh C chuyển tiền đặt cọc để thực hiện hợp đồng số 0501-23/HĐKT/CNC-CD ký ngày 05-01-2023 giữa anh Cao Đình C và bị cáo Nguyễn Ngọc D. Sau khi nhận được tiền đặt cọc, bị cáo D đã không thực hiện như trong hợp đồng mà dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền trên để sử dụng vào mục đích cá nhân.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc D là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, gây mất trật tự an toàn xã hội; bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Số tiền bị cáo chiếm đoạt là 231.660.000 đồng (hai trăm ba mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng). Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc D đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tác động để gia đình bồi thường thiệt hại mà bị cáo đã gây ra; bị cáo đã cung cấp thông tin giúp Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định điều tra khám phá vụ án hình sự về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quyết định khởi tố vụ án số 169 ngày 08-7-2023 nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú; bị hại có đơn xin

giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Ngọc D không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

[4] Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, thể hiện ý thức coi thường pháp luật nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn với mức hình phạt tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, lần phạm tội này bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét thấy, bị cáo Nguyễn Ngọc D trước khi phạm tội có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tại địa phương, bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên Hội đồng xét xử sẽ cho bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự. Cùng với việc cho bị cáo được hưởng án treo, Hội đồng xét xử sẽ ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo và giao bị cáo cho C quyền địa phương để giám sát, giáo dục theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Ngọc D cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Nguyễn Ngọc D phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo làm ăn thua lỗ, có hoàn cảnh khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Ngọc D cùng gia đình đã bồi thường cho anh Cao Đình C số tiền 231.660.000 đồng, anh Cao Đình C đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu gì khác. Như vậy, phần bồi thường dân sự trong vụ án đã được giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Black Bery màu đỏ đen là công cụ, phương tiện để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại số 0904.231.xxx.

Đối với 01 dấu tròn đỏ của Công ty TNHH thiết bị CNC Việt Nam; 01 dấu chức danh Giám đốc Công ty mang tên Nguyễn Ngọc D là dấu của công ty do D quản lý và sử dụng trong hoạt động kinh doanh nên Hội đồng xét xử sẽ trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc D là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc D bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc D phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 175; điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tù kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 25-10-2023.

(Bị cáo bị giam giữ từ ngày 19-5-2023 đến ngày 10-6-2023)

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc D cho Ủy ban nhân dân phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Ngọc D cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Nguyễn Ngọc D phải chấp hành hình phạt 03 (ba) năm tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Xử lý vật chứng:

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Black Bery màu đỏ đen niêm phong ký hiệu NS3-1906641.

Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại số 0904.231.576 niêm phong ký hiệu NS4A-112882.

Trả lại bị cáo Nguyễn Ngọc D 01 dấu tròn đỏ của Công ty TNHH thiết bị CNC Việt Nam niêm phong ký hiệu NS2-2122989 và 01 dấu chức danh Giám đốc Công ty mang tên Nguyễn Ngọc D niêm phong ký hiệu NS2-1909942.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 06-10-2023)

3. Án phí:

- Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Nguyễn Ngọc D phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Bị cáo Nguyễn Ngọc D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định (02 bản);
- Công an TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- UBND P. Đội Cấn, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Định

